

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I- NĂM HỌC 2024- 2025

MÔN: SINH HỌC LỚP 11

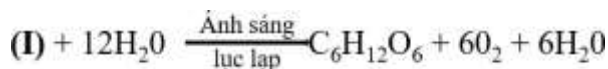
CHƯƠNG I- CHUYỂN HÓA VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG:

A. CHUYỂN HÓA VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG Ở THỰC VẬT:

BÀI 4. QUANG HỢP Ở THỰC VẬT

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1: Phương trình bên dưới là phương trình tổng quát của quá trình quang hợp. Chất (I) trong phương trình là chất nào sau đây?



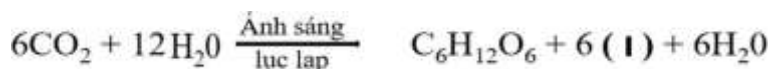
A. CO₂

B. SO₂

C. NO₂

D. CO

Câu 2: Phương trình bên dưới là phương trình tổng quát của quá trình quang hợp. Chất (I) trong phương trình là



A. O₂

B. SO₂

C. NO₂

D. CO

Câu 3: Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về vai trò của quang hợp ở thực vật?

A. Tổng hợp chất hữu cơ.

B. Phân giải chất hữu cơ.

C. Giải phóng năng lượng.

D. Vận chuyển các chất.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây sai khi nói về vai trò của quang hợp ở thực vật?

A. Cung cấp chất hữu cơ.

B. Cung cấp năng lượng.

C. Giải phóng năng lượng.

D. Điều hòa khí O₂ và CO₂.

Câu 5: Quang hợp xảy ra ở nhóm sinh vật nào sau đây?

A. Thực vật, nấm, động vật.

B. Thực vật, nấm, tảo, vi khuẩn lam.

C. Thực vật, tảo, vi khuẩn lam.

D. Nấm, vi khuẩn, tảo.

Câu 6: Kết luận nào sau đây đúng về chất nền trong cấu tạo của lục lạp?

A. Là nơi hấp thu được năng lượng ánh sáng.

B. Là nơi xảy ra pha tối của quang hợp.

C. Nơi xảy ra quá trình quang phân li nước.

D. Là nơi xảy ra pha sáng của quang hợp.

Câu 7: Các sắc tố quang hợp hấp thụ năng lượng ánh sáng và truyền năng lượng đã hấp thụ theo sơ đồ nào sau đây là đúng?

A. Carôtenôit → Diệp lục b → Diệp lục a → Diệp lục a trung tâm phản ứng.

B. Carôtenôit → Diệp lục a → Diệp lục b → Diệp lục b trung tâm phản ứng.

C. Diệp lục b → Carôtenôit → Diệp lục a → Diệp lục a trung tâm phản ứng.

D. Diệp lục a → Diệp lục b → Carôtenôit → Carôtenôit trung tâm phản ứng

Câu 8: Nguyên liệu được sử dụng trong pha tối của quá trình quang hợp là:

A. ATP, NADPH, CO₂.

B. NADPH, H₂O, CO₂.

C. H₂O, ATP, NADPH.

D. O₂, ATP, NADPH.

Câu 9: Trong quá trình quang hợp của thực vật, pha sáng cung cấp cho pha tối các sản phẩm:

A. ATP và NADPH.

B. CO₂ và H₂O.

C. O₂ và H₂O.

D. O₂, ATP, NADPH và ánh sáng.

Câu 10: Oxi thải ra trong quá trình quang hợp có nguồn gốc từ đâu?

A. Trong quá trình quang phân li nước.

B. Trong quá trình thủy phân nước.

C. Trong giai đoạn cố định CO₂.

D. Tham gia truyền electron cho các chất khác.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây *sai* khi nói về pha sáng của quá trình quang hợp?

A. Trong pha sáng diễn ra quá trình quang phân li nước.

B. Một trong những sản phẩm của pha sáng là NADH.

C. Ở thực vật, pha sáng diễn ra trên màng tilacôit của lục lạp.

D. Pha sáng là pha chuyển hóa năng lượng của ánh sáng đã được diệp lục hấp thu thành năng lượng của các liên kết hóa học trong ATP và NADPH.

Câu 12: Pha tối của quang hợp của các nhóm thực vật nào chỉ diễn ra trong chu trình Calvin?

- A. thực vật CAM. B. Thực vật C_3 và CAM. C. Thực vật C_3 . D. thực vật C_4 .

Câu 13: Những cây thuộc nhóm thực vật C_3 :

- A. Lúa, khoai, sắn, đậu xanh. B. Rau dền, kê, các loại rau, xương rồng.
C. Dứa, xương rồng, thuốc bỏng. D. Mía, ngô, cỏ lông vện, cỏ gấu, rau dền.

Câu 14: Chu trình C_3 thích ứng với những điều kiện nào?

- A. Cường độ ánh sáng, nhiệt độ, nồng độ CO_2 và nồng độ O_2 bình thường.
B. Cường độ ánh sáng, nhiệt độ, nồng độ O_2 bình thường, nồng độ CO_2 cao.
C. Cường độ ánh sáng thấp, nhiệt độ thấp, nồng độ CO_2 thấp, nồng độ O_2 thấp.
D. Cường độ ánh sáng cao, nhiệt độ cao, nồng độ O_2 cao, nồng độ CO_2 thấp.

Câu 15: Những cây thuộc nhóm thực vật C_4 :

- A. Lúa, khoai, sắn, đậu xanh. B. Rau dền, kê, các loại rau, xương rồng.
C. Dứa, xương rồng, thuốc bỏng. D. Mía, ngô, cỏ lông vện, cỏ gấu, rau dền.

Câu 16: Sản phẩm quang hợp đầu tiên của con đường C_4 là

- A. APG (axit photphoglixêric).
B. ALPG (aldehit photphoglixêric).
C. AM (axit malic).
D. Một chất hữu cơ có 4 cacbon trong phân tử (axit ôxalôaxêtic - AOA).

Câu 17: Ở thực vật CAM, khí khổng

- A. đóng vào ban ngày và mở vào ban đêm. B. chỉ mở ra khi hoàng hôn.
C. chỉ đóng vào giữa trưa. D. đóng vào ban đêm và mở vào ban ngày.

Câu 18: Những đặc điểm nào dưới đây đúng với thực vật CAM?

- (1) Gồm những loài mọng nước sống ở các vùng hoang mạc khô hạn và các loại cây trồng như dứa, thanh long...
(2) Gồm một số loài thực vật sống ở vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới như mía, rau dền, ngô, cao lương, kê...
(3) Chu trình cố định CO_2 tạm thời (con đường C_4) và tái cố định CO_2 theo chu trình Calvin. Cả hai chu trình này đều diễn ra vào ban ngày và ở hai nơi khác nhau trên lá.
(4) Chu trình C_4 (cố định CO_2) diễn ra vào ban đêm, lúc khí khổng mở và giai đoạn tái cố định CO_2 theo chu trình Calvin, diễn ra vào ban ngày.

Phương án trả lời đúng là:

- A. (1) và (3). B. (1) và (4). C. (2) và (3). D. (2) và (4).

Câu 19: Những hoạt động nào sau đây xảy ra trong pha cố định CO_2

1. Giải phóng oxi
2. Biến đổi khí CO_2 hấp thụ từ khí quyển thành cacbohidrat
3. Giải phóng electron từ quang phân li nước
4. Tổng hợp nhiều phân tử ATP
5. Sinh ra nước mới
6. Những phương án trả lời đúng là

- A. (1), (4) B. (2), (3) C. (3), (5) D. (2), (5)

Câu 20: Khi nói về pha tối của quang hợp, phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Pha tối của quang hợp diễn ra ở xoang thylacoit
B. Pha tối của quang hợp không sử dụng nguyên liệu của pha sáng
C. Pha tối của quang hợp sử dụng sản phẩm của pha sáng để đồng hóa CO_2
D. Pha tối của quang hợp diễn ra ở những tế bào không được chiếu sáng

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI

Câu 1. Chọn ý Đúng – Sai khi nói về quang hợp ở thực vật:

Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Bản chất của quang hợp là chuyển hóa quang năng thành nhiệt năng		
b.	Pha sáng quang hợp tạo ra sản phẩm là ATP, NADPH và CO ₂		
c.	Pha sáng xảy ra trên màng thylacoid		
d.	Hệ sắc tố quang hợp gồm hai nhóm chính là diệp lục và carotenoid		

Câu 2. Chọn ý Đúng – Sai khi nói về các yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp ở thực vật:

Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Ánh sáng là điều kiện cơ bản để cây tiến hành quang hợp		
b.	Quang hợp diễn ra chủ yếu ở miền ánh sáng đỏ, xanh tím và xanh lục		
c.	Trong giới hạn nhất định nồng độ CO ₂ tăng thì cường độ quang hợp cũng tăng		
d.	Nhiệt độ tăng thì cường độ quang hợp giảm		

BÀI 6. HÔ HẤP Ở THỰC VẬT

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Hô hấp là quá trình:

- A.** Oxi hóa các hợp chất hữu cơ thành CO₂ và H₂O, đồng thời giải phóng năng lượng cần thiết cho các hoạt động sống của cơ thể
B. Oxi hóa các hợp chất hữu cơ thành O₂ và H₂O, đồng thời giải phóng năng lượng cần thiết cho các hoạt động sống của cơ thể
C. Oxi hóa các hợp chất hữu cơ thành CO₂ và H₂O, đồng thời giải phóng năng lượng cần thiết cho các hoạt động sống của cơ thể
D. Khử các hợp chất hữu cơ thành CO₂ và H₂O, đồng thời giải phóng năng lượng cần thiết cho các hoạt động sống của cơ thể

Câu 2. Trong phương trình tổng quát của quá trình hô hấp, không có:

- A.** Glucose **B.** Nhiệt **C.** ADP **D.** Nước

Câu 3. Nơi diễn ra quá trình đường phân:

- A.** Ti thể **B.** Tế bào chất **C.** Bộ máy golgi **D.** Nhân tế bào

Câu 4. Nơi diễn ra chu trình Krebs:

- A.** Ti thể **B.** Nhân **C.** Tế bào chất **D.** Bộ máy Golgi

Câu 5. Nơi diễn ra chuỗi truyền electron hô hấp

- A.** Ti thể **B.** Nhân **C.** Tế bào chất **D.** Bộ máy Golgi

Câu 6. Các giai đoạn của hô hấp tế bào diễn ra theo trật tự

- A.** Đường phân → Chu trình Crep → Chuỗi truyền electron hô hấp
B. Chu trình crep → Đường phân → Chuỗi truyền electron hô hấp
C. Đường phân → Chuỗi truyền electron hô hấp → Chu trình Crep
D. Chuỗi truyền electron hô hấp → Chu trình Crep → Đường phân

Câu 7. Nước ảnh hưởng đến hô hấp thực vật thông qua:

- A.** Là nguyên liệu của hô hấp
B. Nước càng ít thì hô hấp càng mạnh

C. Áp suất thẩm thấu và hoạt động của enzyme trong quá trình hô hấp

D. Áp suất keo và hoạt động của vitamin trong quá trình hô hấp

Câu 8. Vai trò không thuộc hô hấp:

A. Tạo ra enzyme cho cơ thể

B. Tạo ra ATP

C. Tạo ra nhiệt năng để giữ ấm

D. Tạo ra các chất trung gian

Câu 9. Muốn tăng cường độ hô hấp, thì:

A. Giảm hàm lượng nước trong tế bào và cơ thể thực vật

B. Tăng hàm lượng nước trong tế bào và cơ thể thực vật

C. Giảm oxy trong hô hấp

D. Tăng cacbonic trong hô hấp

Câu 10. Cây dễ bị thiếu oxy trong điều kiện:

A. Đất khô cằn

B. Bị ngập úng hoặc ngâm trong nước lâu

C. Đất tơi xốp

D. Đất phèn

Câu 11. Điền vào chỗ trống:

Trong quá trình ..., nếu phân giải hoàn toàn một phân tử ... thì tổng hợp được khoảng 30-32 ATP.

A. Hô hấp ở động vật – glucose

B. Hô hấp ở thực vật - glucose

C. Quang hợp ở thực vật – glucose

D. Quang hợp ở động vật – glucose

Câu 12. Việc tạo ra các chất trung gian trong hô hấp:

A. Là làm nguyên liệu của các quá trình tổng hợp nhiều lần chất hữu cơ khác nhau

B. Là làm nguyên liệu xây dựng nơi cư trú cho động vật

C. Là làm nguyên liệu để tích lũy trong cơ thể sinh vật

D. Chưa có một tác dụng cụ thể

Câu 13. Nước cần thiết cho quá trình:

A. Tái hấp thu

B. Thủy phân

C. Đào thải

D. Điều hòa

Câu 14. Điền vào chỗ trống:

Thực vật không có cơ quan làm nhiệm vụ ... như ở động vật.

A. Trao đổi dịch

B. Trao đổi khí

C. Trao đổi nước

D. Trao đổi năng lượng

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG- SAI

Câu 1. Chọn ý Đúng – Sai khi nói về hô hấp ở thực vật:

Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Nguyên liệu ban đầu là glucose		
b.	Hô hấp kỵ khí diễn ra khi có oxy		
c.	Hàm lượng nước càng nhiều thì hô hấp càng mạnh		
d.	Hàm lượng oxy càng cao thì hô hấp càng tăng (đến một mức nào đó sẽ ở trạng thái cân bằng không tăng thêm)		

Câu 2. Khi nói về hô hấp ở thực vật, mỗi phát biểu sau đây là đúng hay sai ?

Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Hô hấp thực chất là một chuỗi phản ứng oxy hóa khử phân giải chất hữu cơ.		
b.	Hô hấp phá vỡ các liên kết trong các chất hữu cơ để giải phóng năng lượng, toàn bộ năng lượng được giải phóng sẽ được tích lũy trong phân tử ATP.		
c.	Bào quan thực hiện hô hấp chủ yếu ở thực vật là ti thể và lục lạp.		
d.	Hô hấp ở rễ mạnh vì tế bào rễ cần nhiều năng lượng để hút khoáng chủ động		

Câu 3. Khi nói về hô hấp ở thực vật, mỗi phát biểu sau đây là đúng hay sai ?

Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Cơ quan hô hấp chủ yếu ở thực vật là lá.		
b.	Bản chất hô hấp là quá trình dị hóa, tích lũy năng lượng.		
c.	Vai trò chính của hô hấp là tạo ATP cung cấp cho các hoạt động sống		
d.	Thực vật không có cơ quan hô hấp chuyên trách như động vật.		

Câu 4. Khi nói về quá trình đường phân ở hô hấp hiếu khí, mỗi phát biểu sau đây là đúng hay sai ?

Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Quá trình đường phân là kị khí và xảy ra ở tế bào chất.		
b.	Nguyên liệu chủ yếu của quá trình đường phân là glycogen.		
c.	Năng lượng tế bào tích lũy khi kết thúc đường phân là 1 ATP.		
d.	Sản phẩm của quá trình đường phân được vận chuyển vào chất nền ti thể để tiếp tục phân giải là pyruvic acid.		

Câu 5. Khi nói về quá trình oxy hóa pyruvic acid và chu trình Krebs ở hô hấp hiếu khí, mỗi phát biểu sau đây là đúng hay sai ?

Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Nguyên liệu đi vào chu trình Krebs là acetyl-CoA.		
b.	Mỗi phân tử acetyl- CoA được oxy hoá hoàn toàn tạo ra 1 ATP, 1 CO ₂ .		
c.	Khi kết thúc đường phân và chu trình Krebs thì 1 phân tử glucose sẽ tạo thành 4 ATP, 10 NADH, 2 FADH ₂ .		
d.	Một phân tử glucose bị oxy hoá hoàn toàn trong đường phân và chu trình Krebs nhưng chỉ tạo ra một vài ATP. Phần năng lượng còn lại mà tế bào thu nhận từ glucose nằm trong NAD ⁺ và FAD ⁺ .		

III. TỰ LUẬN

Câu 1. Nối các tên các giai đoạn sau sao cho phù hợp với số năng lượng chúng tạo ra.

1. Đường phân	a. 26-28 ATP
2. Chu trình Krebs	b. 2 ATP
3. Chuỗi truyền electron hô hấp	c. 2 ATP và 4 CO ₂

Câu 2. Vì sao các giải pháp bảo quản nông phẩm, thực phẩm, rau quả đều nhằm mục tiêu hạn chế cường độ hô hấp? (Trả lời: Nếu như hô hấp quá nhiều sẽ dẫn đến sinh ra nhiệt và làm tăng độ ẩm do sản phẩm phụ của phương trình có nước, chính vì vậy mà tăng độ ẩm làm cho vi sinh vật phá hoại thành phần nông sản. Thêm vào đó nếu như hô hấp quá nhiều sẽ dẫn đến phân giải đường và làm mất đi chất hữu cơ của nông sản nên sẽ gây giảm giá trị)

Câu 3: Cho thông tin ở bảng sau: Nối các thông tin ở cột A và cột B cho hợp lí

Giai đoạn của hô hấp hiếu khí	Đặc điểm
1. Đường phân	a. Xảy ra ở chất nền ti thể.
2. Oxy hóa pyruvic acid & chu trình Krebs	b. Xảy ra ở tế bào chất.
3. Chuỗi truyền electron	c. Xảy ra ở màng trong ti thể.

B. CHUYỂN HÓA VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG Ở ĐỘNG VẬT:

Bài 8. TIÊU HÓA Ở ĐỘNG VẬT

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1: Tiêu hoá là quá trình

- A. tạo ra các chất dinh dưỡng từ thức ăn cho cơ thể.
- B. tạo ra các chất dinh dưỡng và năng lượng cho cơ thể.
- C. tạo ra các chất chất dinh dưỡng cho cơ thể.
- D. biến đổi các chất dinh dưỡng có trong thức ăn thành các chất đơn giản mà cơ thể có thể hấp thu được.

Câu 2: Ở động vật chưa có túi tiêu hoá, thức ăn được

- A. Tiêu hóa ngoại bào.
- B. Tiêu hoá nội bào.
- C. Tiêu hóa ngoại bào, tiêu hoá nội bào.
- D. Một số tiêu hoá nội bào, còn lại tiêu hoá ngoại bào.

Câu 3: Ở động vật có ống tiêu hoá, thức ăn được tiêu hoá :

- A. Tiêu hóa ngoại bào.
- B. Tiêu hoá nội bào.
- C. Tiêu hóa ngoại bào, tiêu hoá nội bào.
- D. Một số tiêu hoá nội bào, còn lại tiêu hoá ngoại bào.

Câu 4: Quá trình tiêu hoá ở động vật có túi tiêu hoá diễn ra như sau:

- A. Thức ăn được tiêu hoá nội bào nhờ enzym thuỷ phân chất dinh dưỡng phức tạp thành những chất đơn giản mà cơ thể hấp thụ được.
- B. Thức ăn được tiêu hoá ngoại bào nhờ sự co bóp của khoang túi mà chất dinh dưỡng phức tạp thành những chất đơn giản.
- C. Thức ăn được tiêu hoá ngoại bào (nhờ enzym thuỷ phân chất dinh dưỡng phức tạp trong khoang túi) và nội bào.
- D. Thức ăn được tiêu hoá ngoại bào nhờ enzym thuỷ phân chất dinh dưỡng phức tạp trong khoang túi.

Câu 5 : Quá trình dinh dưỡng được sắp xếp theo thứ tự nào sau đây?

- A. Lấy thức ăn -> tiêu hóa thức ăn -> hấp thụ chất dinh dưỡng -> đồng hóa và sử dụng chất dinh dưỡng.
- B. Hấp thụ dinh dưỡng -> lấy thức ăn -> tiêu hóa thức ăn -> đồng hóa và sử dụng chất dinh dưỡng.
- C. Đồng hóa và sử dụng các chất -> tiêu hóa thức ăn -> lấy thức ăn-> hấp thụ dinh dưỡng.
- D. Lấy thức ăn-> tiêu hóa thức ăn -> đồng hóa và sử dụng chất dinh dưỡng -> hấp thụ chất dinh dưỡng.

Câu 6: Thứ tự các bộ phận trong ống tiêu hóa của người

- A. miệng → ruột non → thực quản → dạ dày → ruột già → hậu môn.
- B. miệng → thực quản → dạ dày → ruột non → ruột già → hậu môn.
- C. miệng → ruột non → dạ dày → hầu → ruột già → hậu môn.
- D. miệng → dạ dày → ruột non → thực quản → ruột già → hậu môn.

Câu 7: Vì sao ruột non của người được xem là nơi xảy ra quá trình tiêu hóa hóa học mạnh nhất so với các bộ phận khác của ống tiêu hóa?

- A. Ruột non nhận nhiều dịch tiêu hóa của gan, tụy và tuyến ruột.
- B. Ruột non xảy ra quá trình hấp thụ chất dinh dưỡng.
- C. Ruột non là đoạn dài nhất của ống tiêu hóa.
- D. Ruột non chứa nhiều enzym có tác dụng phân giải hầu hết các loại thức ăn khác nhau.

Câu 8: Sự tiêu hoá thức ăn ở thú ăn thịt như thế nào?

- A. tiêu hóa hóa học và tiêu hóa cơ học. B. chỉ tiêu hóa cơ học.
C. tiêu hóa hóa học, cơ học và nhờ vi sinh vật cộng sinh. D. chỉ tiêu hóa hóa học.

Câu 9: Dinh dưỡng là quá trình:

- A. Nghiền nát thức ăn B. Hấp thụ chất dinh dưỡng
C. Thu nhận, biến đổi và sử dụng chất dinh dưỡng D. Đào thải các chất cặn bã

Câu 10. Điền vào chỗ trống:

Quá trình dinh dưỡng gồm 4 giai đoạn: lấy thức ăn, ..., hấp thụ chất dinh dưỡng, đồng hóa.

- A. Tiêu hóa thức ăn B. Nghiền nát thức ăn
C. Nhào trộn thức ăn D. Đào thải thức ăn

Câu 11. Điền vào chỗ trống:

Ở động vật, sau giai đoạn tiêu hóa và ..., chất dinh dưỡng được vận chuyển đến từng tế bào nhờ ...

- A. Nghiền nát – hệ tuần hoàn B. Hấp thụ - hệ tuần hoàn
C. Nghiền nát – hệ mạch D. Hấp thụ - hệ mạch

Câu 12. Điền vào chỗ trống:

Ở sinh vật ..., do chưa có ..., thức ăn được tiêu hóa bằng hình thức tiêu hóa nội bào.

- A. Đa bào – cơ quan tiêu hóa B. Đơn bào – cơ quan tiêu hóa
C. Đa bào – cơ quan hấp thụ D. Đơn bào – cơ quan hấp thụ

Câu 13. Nhu cầu năng lượng phụ thuộc:

- A. Độ tuổi, giới tính, cường độ lao động
B. Trình độ lao động, độ tuổi, giới tính
C. Hình thức tiêu hóa, cường độ lao động, sức khỏe tinh thần
D. Tinh thần bệnh tật, sức khỏe lao động, độ tuổi

Câu 14. Cân bằng dinh dưỡng là chế độ dinh dưỡng:

- A. Đủ đạm, chất béo và tinh bột B. Tương đương nhu cầu cơ thể
C. Có bổ sung vitamin và khoáng chất D. Đủ để cơ thể không bị mệt

Câu 15. Nguyên nhân gây bệnh tiêu hóa:

- A. Vi sinh vật, nấm, thuốc quá liều
B. Hóa chất độc hại trong thực phẩm, vi sinh vật, nấm, ...
C. Chỉ có thể là do vi sinh vật
D. Chỉ có thể là do virus và nấm

Câu 16. Ở động vật có túi tiêu hóa, thức ăn được tiêu hóa

- A. Ngoại bào (nhờ enzym thủy phân chất dinh dưỡng phức tạp trong lòng túi) và tiêu hóa nội bào
B. Nội bào nhờ enzym thủy phân những chất dinh dưỡng phức tạp thành những chất đơn giản mà cơ thể hấp thụ được
C. Ngoại bào, nhờ sự co bóp của lòng túi mà những chất dinh dưỡng phức tạp được chuyển hóa thành những chất đơn giản
D. Ngoại bào nhờ enzym thủy phân chất dinh dưỡng phức tạp trong lòng túi

Câu 17. Sự tiến hóa của các hình thức tiêu hóa diễn ra

- A. Tiêu hóa nội bào → Tiêu hóa nội bào kết hợp với ngoại bào → Tiêu hóa ngoại bào
B. Tiêu hóa nội bào → Tiêu hóa nội bào kết hợp với ngoại bào → Tiêu hóa nội bào
C. Tiêu hóa nội bào → Tiêu hóa ngoại bào → Tiêu hóa nội bào kết hợp với ngoại bào
D. Tiêu hóa nội bào kết hợp với ngoại bào → Tiêu hóa nội bào → Tiêu hóa ngoại bào

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI

Câu 1. Ý nào Đúng – Sai khi nói về dinh dưỡng và tiêu hóa ở động vật:

Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Bệnh giun sán có thể đến từ nguyên nhân do vệ sinh cá nhân không sạch sẽ hoặc vệ sinh môi trường không tốt		
b.	Ống tiêu hóa không có nhiều ưu điểm hơn so với túi tiêu hóa		
c.	Hình thức tiêu hóa kết hợp nội bào và ngoại bào thường xảy ra ở động vật đơn bào		
d.	Sử dụng kháng sinh không đúng liều là nguyên nhân tiêu chảy hàng đầu		

Câu 2. Các nhận định sau về sự tiêu hóa ở các bộ phận trong ống tiêu hóa ở người hãy cho biết nhận định nào đúng hay sai?

Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Ở miệng có tiêu hóa cơ học và hóa học		
b.	Ở dạ dày có tiêu hóa cơ học và hóa học		
c.	Ở ruột non có tiêu hóa cơ học và hóa học		
d.	Ở ruột già có tiêu hóa cơ học và hóa học		

Câu 3. Ý nào Đúng – Sai khi nói về tiêu hóa ở động vật:

a.

Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Thủy tức chỉ có một hình thức tiêu hóa		
b.	Ống tiêu hóa của người không bao gồm hậu môn		
c.	Ống tiêu hóa có nhiều ưu điểm hơn so với túi tiêu hóa		
d.	Trong ruột non chủ yếu là tiêu hóa hóa học		

Câu 4. Ý nào Đúng – Sai khi nói về phòng bệnh giun sán bằng:

Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Vệ sinh răng miệng sạch sẽ		
b.	Nhịn đại tiện		
c.	Ăn chín uống sôi, hạn chế ăn thức ăn tái		
d.	Xô giun định kì 6 tháng một lần		

III.TỰ LUẬN

Câu 1. Nối các cụm sau lại để hoàn thành một câu có nghĩa:

1. Ruột khoang và giun dẹp	a. Phụ thuộc vào nhiều yếu tố
2. Quá trình dinh dưỡng	b. Là sinh vật có túi tiêu hóa
3. Nhu cầu năng lượng	c. Bao gồm có 4 giai đoạn chính

Câu 2. Cho biết sự khác nhau giữa tiêu hóa nội bào và tiêu hóa ngoại bào.

Câu 3. Nối các sinh vật sau vào phân loại phù hợp với chúng trong bảng dưới đây:

1. Có ống tiêu hóa	a. Con người
	b. Bò
2. Có túi tiêu hóa	c. Ruột khoang
	d. Cá

Câu 4. Để đảm bảo cung cấp đầy đủ dinh dưỡng giúp cơ thể sinh trưởng và phát triển bình thường, chúng ta cần làm gì? Em đã làm gì để phòng các bệnh về tiêu hóa?

Bài 9. HÔ HẤP Ở ĐỘNG VẬT

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1: Các loài thân mềm và chân khớp sống trong nước có hình thức hô hấp:

- A. bằng mang. B. bằng hệ thống ống khí. C. bằng phổi. D. qua bề mặt cơ thể.

Câu 2: Sự lưu thông khí trong các ống khí của chim được thực hiện nhờ:

- A. sự co giãn của phần bụng. B. Sự vận động của cánh.
C. sự co giãn của túi khí. D. Sự di chuyển của chân.

Câu 3: Sự thông khí trong các ống khí của côn trùng thực hiện được là nhờ:

- A. Sự vận động của cánh. B. sự nhu động của hệ tiêu hóa.
C. sự di chuyển của chân. D. sự co giãn của phần bụng.

Câu 4: Vì sao nồng độ CO_2 thở ra cao hơn so với hít vào?

- A. Vì một lượng CO_2 khuếch tán từ mao mạch phổi vào phế nang trước khi đi ra khỏi phổi.
B. Vì một lượng CO_2 được dồn về phổi từ các cơ quan khác trong cơ thể.
C. Vì một lượng CO_2 còn lưu trữ trong phế nang.
D. Vì một lượng CO_2 thải ra trong hô hấp tế bào của phổi.

Câu 5: Vì sao động vật có phổi không hô hấp dưới nước được?

- A. Vì phổi không hấp thu được O_2 trong nước.
B. Vì phổi không thải được CO_2 trong nước.
C. Vì cấu tạo phổi không phù hợp với việc hô hấp trong nước.
D. Vì nước tràn vào đường dẫn khí cản trở lưu thông khí nên không hô hấp được.

Câu 6: Côn trùng có hình thức hô hấp nào?

- A. hô hấp bằng mang. B. Hô hấp bằng phổi.
C. Hô hấp bằng hệ thống ống khí. D. Hô hấp qua bề mặt cơ thể.

Câu 7: Nồng độ O_2 khi thở ra thấp hơn so với hít vào vì:

- A. Một lượng O_2 còn lưu giữ trong phế nang.
B. Vì một lượng O_2 còn lưu giữ trong phế quản.
C. Vì một lượng O_2 đã ô xy hoá các chất trong cơ thể.
D. Vì một lượng O_2 đã khuếch tán vào máu trước khi ra khỏi phổi.

Câu 8: Chim hô hấp nhờ:

- A. phổi. B. hệ thống túi khí và phổi. C. mang. D. qua bề mặt cơ thể.

Câu 9: Động vật đơn bào hay đa bào có tổ chức thấp (ruột khoang, giun tròn, giun dẹp) có hình thức hô hấp:

- A. Hô hấp bằng mang. B. Hô hấp bằng phổi.
C. Hô hấp bằng hệ thống ống khí. D. Hô hấp qua bề mặt cơ thể.

Câu 10: Động vật sau đây **không** trao đổi khí qua bề mặt cơ thể là

1. Ruột khoang 2. Giun tròn 3. Lưỡng cư 4. Cá 5. Ruồi
A. (1), (2), (3) B. (4), (5) C. (1), (2) D. (3), (4), (5)

Câu 11. Số ý đúng khi nói về động vật trao đổi khí qua phổi?

- 1.Ếch nhái trưởng thành 2. Bò sát
3. Chim 4. Động vật có vú
A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 12. Đơn vị nhỏ nhất trong phổi là

- A. phế nang B. phế quản C. tiểu phế quản D. khí quản

Câu 13. Bò sát, Chim và Thú thông khí nhờ áp suất.....

Điền từ còn thiếu vào chỗ trống:

- A. dương B. âm C. giảm D. tăng

Câu 14. Các phế quản ở Chim được phân nhánh thành các ống khí rất nhỏ được gọi là
A. mao mạch khí **B.** phế nang **C.** tiểu ống khí **D.** ống khí tận

Câu 15. Diện tích bề mặt trao đổi khí ở phổi ở người rất lớn khoảng

- A.** $1 \text{ m}^2 - 1.2 \text{ m}^2$ **B.** $10 \text{ m}^2 - 12 \text{ m}^2$
C. $100 \text{ m}^2 - 120 \text{ m}^2$ **D.** $1000 \text{ m}^2 - 1200 \text{ m}^2$

Câu 16. Động vật sau đây có chiều máu chảy trong các mao mạch máu song song và ngược chiều với dòng không khí lưu thông trong các mao mạch khí?

1. Cá xương 2.Ếch đồng 3. Chim bồ câu 4. Tôm
A. (1), (2) **B.** (1) **C.** (1), (3) **D.** (2)

Câu 17. Bệnh không phải là bệnh hô hấp ở đường dẫn khí là

- A.** viêm mũi **B.** ung thư khí quản **C.** viêm xoang **D.** viêm phổi

Câu 18. Nguyên nhân hàng đầu gây ra bệnh về hô hấp là

- A.** ô nhiễm nguồn nước **B.** khói thuốc lá
C. hoạt động công nghiệp **D.** cháy rừng

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG- SAI

Câu 1. Điều nào Đúng – sai khi nói về tác dụng của việc tập thể dục thường xuyên đối với hệ hô hấp ở người?

Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Tăng nhịp thở		
b.	Tăng tốc độ vận động và sự dẻo dai của các cơ hô hấp.		
c.	Tăng thể tích O ₂ khuếch tán vào máu		
d.	Tăng thông khí phổi/ phút		

Câu 2. Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai khi nói về quá trình trao đổi khí ở động vật?

Mệnh đề	Đúng	Sai
a. Được thực hiện qua bề mặt trao đổi khí		
b. CO ₂ được thẩm thấu từ tế bào ra môi trường		
c. O ₂ được vận chuyển chủ động từ môi trường ngoài vào		
d. Bề mặt trao đổi khí thường mỏng và ẩm ướt		

Câu 3. Nguyên tắc nào sau đây là Đúng hay Sai khi nói về phòng các bệnh hô hấp:

Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Uống thuốc kháng sinh		
b.	Tránh tiếp xúc trực tiếp mầm bệnh		
c.	Giảm sự lây lan của nguồn bệnh		
d.	Tăng cường sức đề kháng		

III. TỰ LUẬN

Câu 1. Hô hấp ở động vật là gì? Trình bày vai trò hô hấp ở động vật?

Câu 2. Khói thuốc lá có hại như thế nào đối với sức khỏe và hệ hô hấp của người? Theo em có nên xử phạt những người hút thuốc lá nơi công cộng không? Vì sao.

Câu 3. Trình bày các nguyên tắc phòng bệnh hô hấp chủ yếu, nêu ví dụ cho từng nguyên tắc?

Bài 10. TUẦN HOÀN MÁU Ở ĐỘNG VẬT

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1: Trong cơ thể động vật, hệ cơ quan đảm nhận chức năng vận chuyển các chất từ bộ phận này đến bộ phận khác để đáp ứng cho nhu cầu cơ thể:

- A.** Hệ thần kinh. **B.** Hệ hô hấp. **C.** Hệ tuần hoàn. **D.** Hệ bài tiết.

Câu 2: Các nhóm động vật nào sau đây có hệ tuần hoàn hở?

- A. Mực ống, giun đốt, sâu bọ.
C. Thân mềm, giáp xác, sâu bọ.

- B. Thân mềm, chân khớp, giun đốt.
D. Sâu bọ, thân mềm, bạch tuộc.

Câu 3: Hệ tuần hoàn hở có ở động vật :

- A. Đa số động vật thân mềm và chân khớp. B. Các loài cá sụn và cá xương.
C. Động vật đa bào cơ thể nhỏ và dẹp. D. Động vật đơn bào.

Câu 4: Hệ tuần hoàn kép có ở các ngành sau đây, ngoại trừ:

- A. Lưỡng cư. B. Bò sát. C. Giun đốt. D. Chim.

Câu 5: Diễn biến của hệ tuần hoàn hở diễn ra như thế nào?

A. Tim → Động mạch → Khoang máu → trao đổi chất với tế bào → Hỗn hợp dịch mô – máu → tĩnh mạch → Tim.

B. Tim → Động mạch → trao đổi chất với tế bào → Hỗn hợp dịch mô – máu → Khoang máu → tĩnh mạch → Tim.

C. Tim → Động mạch → Hỗn hợp dịch mô – máu → Khoang máu → trao đổi chất với tế bào → tĩnh mạch → Tim.

D. Tim → Động mạch → Khoang máu → Hỗn hợp dịch mô – máu → tĩnh mạch → Tim.

Câu 6: Hệ tuần hoàn kín là hệ tuần hoàn có:

- A. máu chảy trong động mạch với áp lực cao hoặc trung bình.
B. tốc độ máu chảy nhanh, máu đi được xa.
C. máu đến các cơ quan nhanh, đáp ứng nhu cầu trao đổi khí và trao đổi chất.
D. máu lưu thông liên tục trong mạch kín.

Câu 7: Diễn biến của hệ tuần hoàn kín diễn ra :

- A. Tim → Động Mạch → Tĩnh mạch → Mao mạch → Tim.
B. Tim → Động Mạch → Mao mạch → Tĩnh mạch → Tim.
C. Tim → Mao mạch → Động Mạch → Tĩnh mạch → Tim.
D. Tim → Tĩnh mạch → Mao mạch → Động Mạch → Tim.

Câu 8: Ở các động vật có xương sống, máu trao đổi chất với tế bào qua:

- A. thành tĩnh mạch, mao mạch. B. thành mao mạch.
C. thành động mạch, mao mạch. D. thành động mạch, tĩnh mạch.

Câu 9: Hệ tuần hoàn kín - hệ tuần hoàn đơn có ở những động vật :

- A. chỉ có ở mực ống, bạch tuộc, giun đốt, chân đầu (ốc anh vũ, mực nang) và cá.
B. chỉ có ở cá, lưỡng cư và bò sát.
C. chỉ có ở cá, lưỡng cư.
D. chỉ có ở mực ống, bạch tuộc, giun đốt và chân đầu.

Câu 10: Nhóm động vật có tim 4 ngăn, máu không bị pha trộn?

- A. Bò sát. B. Chim, thú. C. Cá. D. Lưỡng cư.

Câu 11: Hệ tuần hoàn kép có ở những động vật nào?

- A. chỉ có ở mực ống, bạch tuộc, giun đốt. B. chỉ có ở cá, lưỡng cư, bò sát.
C. chỉ có ở mực ống, bạch tuộc, giun đốt, cá. D. chỉ có ở lưỡng cư, bò sát, chim, thú.

Câu 12: Khả năng co giãn tự động theo chu kì của tim là do hệ dẫn truyền tim hoạt động:

- A. nút xoang nhĩ → nút nhĩ thất → bó His → mạng Puôckin → tâm thất co.
B. nút xoang nhĩ → bó His → nút nhĩ thất → mạng Puôckin → tâm thất co.
C. nút nhĩ thất → nút xoang nhĩ → bó His → mạng Puôckin → tâm thất co.
D. nút nhĩ thất → nút xoang nhĩ → mạng Puôckin → bó His → tâm thất co.

Câu 13: Thứ tự nào sau đây đúng với chu kì hoạt động của tim người?

- A. Pha co tâm nhĩ (0,1s) → pha giãn chung (0,4s) → pha tâm thất (0,3s).
B. Pha co tâm nhĩ (0,1s) → pha co tâm thất (0,3s) → pha giãn chung (0,4s).
C. Pha co tâm thất (0,3s) → pha co tâm nhĩ (0,1s) → pha giãn chung (0,4s).
D. Pha giãn chung (0,4s) → pha co tâm thất (0,3s) → pha co tâm nhĩ (0,1s).

Câu 14: Tim tách rời khỏi cơ thể vẫn có khả năng co dẫn nhịp nhàng là do

- A. tim co dẫn nhịp nhàng theo chu kì.
- B. tim có hệ thống nút có khả năng tự phát xung điện.
- C. tim có hệ điều khiển riêng, không liên quan gì đến cơ thể
- D. được cung cấp đủ chất dinh dưỡng, oxy và nhiệt độ thích hợp.

Câu 15: Bộ phận phát xung điện trong hệ dẫn truyền tim là:

- A. mạng Purkinje.
- B. bó His.
- C. nút xoang nhĩ.
- D. nút nhĩ thất.

Câu 16: Vì sao ở người già, khi huyết áp cao dễ bị xuất huyết não?

- A. Vì mạch bị xơ cứng, máu bị ứ đọng, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.
- B. Vì mạch bị xơ cứng, tính đàn hồi kém, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.
- C. Vì mạch bị xơ cứng nên không co bóp được, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.
- D. Vì thành mạch dày lên, tính đàn hồi kém đặc biệt là các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.

Câu 17. Hệ tuần hoàn bạch huyết có chức năng:

- A. tiếp nhận dịch mô hấp thụ từ ruột non và thu hồi lipid đưa về hệ tuần hoàn máu.
- B. tiếp nhận lipid hấp thụ từ ruột non và thu hồi dịch mô đưa về hệ tuần hoàn máu.
- C. tiếp nhận lipid và dịch mô hấp thụ từ hệ tuần hoàn máu và đưa về ruột non.
- D. thu hồi lipid và dịch mô hấp thụ từ ruột non và đưa về hệ tuần hoàn máu.

Câu 18. Trong hệ tuần hoàn kín, máu trao đổi với tế bào qua thành:

- A. tĩnh mạch và mao mạch.
- B. mao mạch.
- C. tĩnh mạch.
- D. động mạch và tĩnh mạch.

Câu 19. Nồng độ CO₂ khi thở ra cao hơn so với khi hít vào vì một lượng CO₂

- A. khuếch tán từ mao mạch phổi vào phế nang trước khi ra khỏi phổi.
- B. được đôn về phổi từ các cơ quan khác trong cơ thể.
- C. còn lưu giữ trong phế nang.
- D. thải ra trong hô hấp tế bào của phổi

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG- SAI

Câu 1. Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai khi nói về hệ tuần hoàn hở?

Mệnh đề	Đúng	Sai
a. Hệ tuần hoàn hở ở các loài động vật thuộc nhóm côn trùng, thân mềm		
b. Hệ tuần hoàn hở có hệ thống mao mạch nối động mạch và tĩnh mạch		
c. Máu tiếp xúc trực tiếp với tế bào		
d. Máu chảy với áp lực thấp		

Câu 2. Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai khi nói về ưu điểm của hệ tuần hoàn kín so với hệ tuần hoàn hở?

Mệnh đề	Đúng	Sai
a. Máu đến các cơ quan nhanh nên đáp ứng được nhu cầu trao đổi chất và khí.		
b. Tim hoạt động ít tiêu tốn năng lượng		
c. Máu chảy trong động mạch với áp lực cao hoặc trung bình		
d. Tốc độ máu chảy nhanh, tim thu hồi máu nhanh		

Câu 3. Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai khi nói về hệ tuần hoàn ở động vật?

Mệnh đề	Đúng	Sai
a. Tim là cái máy bơm hút đẩy máu chảy vào hệ mạch		

b. Côn trùng sử dụng hệ tuần hoàn để trao đổi khí O ₂ và CO ₂		
c.Ếch có tim 4 ngăn		
d. Động mạch và tĩnh mạch có cấu tạo thành mạch gồm 3 lớp		

Câu 4. Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai khi nói về hệ tuần hoàn ở động vật?

Mệnh đề	Đúng	Sai
a. Dịch tuần hoàn là máu hoặc hỗn hợp máu- dịch mô		
b. Tim co dẫn được là nhờ hệ dẫn truyền tim		
c. Cá có 2 vòng tuần hoàn		
d. Máu chảy trong hệ mạch của côn trùng có áp lực cao, tốc độ nhanh		

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Kích thước cơ thể động vật càng nhỏ thì nhịp tim càng nhanh và ngược lại, tại sao?

Câu 2. Huyết áp là gì? Huyết áp bình thường ở người trưởng thành là bao nhiêu? Giá trị huyết áp như thế nào gọi là tăng huyết áp? Như thế nào gọi là hạ huyết áp?

Câu 3. Trình bày tác hại của việc lạm dụng rượu bia đối với sức khỏe và hệ tim mạch.

Bài 12. MIỄN DỊCH Ở NGƯỜI VÀ ĐỘNG VẬT

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1: Miễn dịch là

A. cơ thể phản ứng một cách kịch liệt với môi trường xung quanh, để chống lại bệnh tật.

B. khả năng cơ thể chống lại các tác nhân gây bệnh, đảm bảo cho cơ thể khỏe mạnh, không mắc bệnh.

C. khả năng tự miễn nhiễm với mọi bệnh tật, đảm bảo cho cơ thể khỏe mạnh, không mắc bệnh.

D. khả năng của cơ thể cần được bổ sung các chất để chống lại tác nhân gây hại.

Câu 2: Hai phòng tuyến bảo vệ cơ thể do hệ miễn dịch tạo thành là

A. miễn dịch không đặc hiệu và miễn dịch đặc hiệu.

B. miễn dịch dịch thể và miễn dịch tế bào.

C. hàng rào bề mặt cơ thể và hàng rào bên trong cơ thể.

D. hàng rào bảo vệ vật lý, hóa học và các đáp ứng không đặc hiệu.

Câu 3: Nguyên nhân bên trong gây bệnh cho người và động vật là

A. vi khuẩn.

B. virus.

C. nấm.

D. yếu tố di truyền.

Câu 4: Tác nhân nào không phải là tác nhân bên ngoài gây ra bệnh cho người và động vật?

A. Tác nhân sinh học.

B. Tác nhân hóa học.

C. Chế độ dinh dưỡng.

D. Tác nhân vật lý.

Câu 5: Các tế bào cơ thể bị nhiễm virus tiết ra , chất này kích thích các tế bào không bị nhiễm bệnh bên cạnh sản sinh ra các protein ức chế sự sinh sản của virus. Cụm từ còn thiếu điền vào chỗ trống là

A. histamin

B. kháng nguyên.

C. Epitope

D. interferon

Câu 6: Khi tế bào B hoạt hóa, phân chia tạo thành các ...(1). Các tương bào sản sinh ra các ...(2). kháng nguyên và đưa vào máu. (1), (2) lần lượt là

A. tương bào; thụ thể.

B. kháng nguyên; thụ thể.

C. kháng thể; thụ thể.

D. tế bào; thụ thể.

Câu 7: Bước đầu tiên khởi động cho miễn dịch dịch thể là gì?

A. Tế bào B tăng sinh và biệt hóa cho tế bào T.

B. Các tế bào T hỗ trợ tiết ra Cytokine gây hoạt hóa tế bào B.

C. Tế bào T tìm kiếm các kháng nguyên và kích động lên nó.

D. Tế bào B tìm kiếm các kháng thể và kích thích lên nó.

Câu 8: Bệnh ung thư là do

A. hệ miễn dịch của cơ thể bị rối loạn dẫn đến các tế bào miễn dịch hoặc kháng thể do cơ thể sinh sản ra tấn công.

B. một nhóm tế bào trở nên bất thường và phân chia liên tục, không kiểm soát được dẫn đến tạo thành khối u, gọi là u ác tính.

C. một loại retrovirus gây ra, làm suy yếu dần đáp ứng miễn dịch dịch thể và đáp ứng miễn dịch tế bào.

D. virus xâm nhập làm suy giảm hệ miễn dịch của cơ thể, gây ra các bệnh cơ hội.

Câu 9: Bệnh gây ra do hệ miễn dịch của cơ thể bị rối loạn, mất khả năng phân biệt các kháng nguyên ngoại lai với tế bào, cơ quan của cơ thể, dẫn đến các tế bào miễn dịch hoặc kháng thể do cơ thể sinh sản ra tấn công là

A. bệnh ung thư.

B. bệnh tự miễn.

C. bệnh AIDS. D. bệnh Covid.

Câu 10: Viêm là phản ứng:

A. xảy ra khi một vùng nào đó của cơ thể bị tổn thương và bắt đầu nhiễm trùng.

B. xảy ra nhằm phá hủy tế bào nhiễm vi khuẩn.

C. xảy ra khi các tế bào bị tổn thương.

D. xảy ra nhằm giúp các tế bào bị nhiễm virus tiết ra interferon.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI

Câu 1. Trong các nhận định sau, nhận định nào Đúng- Sai?

Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Bệnh được chia thành hai loại: bệnh truyền nhiễm và bệnh không truyền nhiễm.		
b.	Bệnh truyền nhiễm thường do các nguyên nhân bên ngoài gây ra.		
c.	Bệnh không truyền nhiễm thường do các nguyên nhân bên trong gây ra.		
d.	Tác nhân sinh học là nguyên nhân gây bệnh cho người và động vật từ bên ngoài.		

Câu 2. Trong các nhận định sau, nhận định nào Đúng- Sai?

Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Dị ứng là phản ứng quá mức của cơ thể đối với kháng nguyên nhất định, nghĩa là cơ thể quá mẫn cảm với kháng nguyên.		
b.	Kháng nguyên trong phản ứng dị ứng gọi là dị nguyên.		
c.	Phản ứng dị ứng cấp tính đôi khi đưa đến sốc phản vệ.		
d.	Hậu quả của sốc phản vệ là gây co thắt phế quản, dẫn các mạch máu ngoại vi, huyết áp giảm nhanh,... dẫn đến não, tim không nhận đủ máu và O ₂ .		

III. TỰ LUẬN

Câu 1. Khi nào thì một cơ thể được coi là bệnh? Nêu các nguyên nhân gây bệnh ở người và động vật?

Câu 2. Phân tích ý nghĩa và vai trò của việc sử dụng vaccine.

Câu 3. Dị ứng là gì? Nêu cơ chế của dị ứng. Tại sao bác sĩ thường phải thử thuốc trước khi tiêm kháng sinh?

Câu 4. Phân biệt miễn dịch đặc hiệu và miễn dịch không đặc hiệu

ĐỀ MINH HỌA
(Đề kiểm tra có 03 trang)

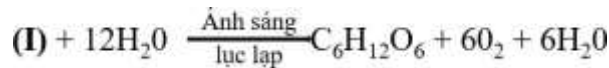
Mã đề: 411

Họ, tên thí sinh: Lớp:

Số báo danh:

I. Phần trắc nghiệm nhiều lựa chọn(20 câu- 5 điểm)

Câu 1: Phương trình bên dưới là phương trình tổng quát của quá trình quang hợp. Chất (I) trong phương trình là chất nào sau đây?



A. CO₂

B. SO₂

C. NO₂

D. CO

Câu 2: Quang hợp xảy ra ở nhóm sinh vật nào sau đây?

A. Thực vật, nấm, động vật.

B. Thực vật, nấm, tảo, vi khuẩn lam.

C. Thực vật, tảo, vi khuẩn lam.

D. Nấm, vi khuẩn, tảo.

Câu 3: Khi nói về pha tối của quang hợp, phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Pha tối của quang hợp diễn ra ở xoang thylacoit

B. Pha tối của quang hợp không sử dụng nguyên liệu của pha sáng

C. Pha tối của quang hợp sử dụng sản phẩm của pha sáng để đồng hóa CO₂

D. Pha tối của quang hợp diễn ra ở những tế bào không được chiếu sáng

Câu 4. Điền vào chỗ trống:

Trong quá trình ..., nếu phân giải hoàn toàn một phân tử ... thì tổng hợp được khoảng 30-32 ATP.

A. Hô hấp ở động vật - glucose

B. Hô hấp ở thực vật - glucose

C. Quang hợp ở thực vật - glucose

D. Quang hợp ở động vật – glucose

Câu 5. Điền vào chỗ trống:

Thực vật không có cơ quan làm nhiệm vụ ... như ở động vật.

A. Trao đổi dịch

B. Trao đổi khí

C. Trao đổi nước

D. Trao đổi năng lượng

Câu 6. Dinh dưỡng là quá trình:

A. Nghiền nát thức ăn

B. Hấp thụ chất dinh dưỡng

C. Thu nhận, biến đổi và sử dụng chất dinh dưỡng

D. Đào thải các chất cặn bã

Câu 7. Điền vào chỗ trống:

Quá trình dinh dưỡng gồm 4 giai đoạn: lấy thức ăn, ..., hấp thụ chất dinh dưỡng, đồng hóa.

A. Tiêu hóa thức ăn

B. Nghiền nát thức ăn

C. Nhào trộn thức ăn

D. Đào thải thức ăn

Câu 8. Nguyên nhân gây bệnh tiêu hóa:

A. Vi sinh vật, nấm, thuốc quá liều

B. Hóa chất độc hại trong thực phẩm, vi sinh vật, nấm,...

C. Chỉ có thể là do vi sinh vật

D. Chỉ có thể là do virus và nấm

Câu 9. Sự thông khí trong các ống khí của côn trùng thực hiện được là nhờ:

A. Sự vận động của cánh.

B. sự nhu động của hệ tiêu hóa.

C. sự di chuyển của chân.

D. sự co giãn của phân bụng.

Câu 10. Vì sao nồng độ CO₂ thở ra cao hơn so với hít vào?

A. Vì một lượng CO₂ khuếch tán từ mao mạch phổi vào phế nang trước khi đi ra khỏi phổi.

B. Vì một lượng CO₂ được dồn về phổi từ các cơ quan khác trong cơ thể.

C. Vì một lượng CO₂ còn lưu trữ trong phế nang.

D. Vì một lượng CO₂ thải ra trong hô hấp tế bào của phổi.

Câu 11. Số ý đúng khi nói về động vật trao đổi khí qua phổi?

- 1.Ếch nhái trưởng thành
2. Bò sát
3. Chim
4. Động vật có vú

A. 1

B. 2

C. 3 D. 4

Câu 12. Đặc điểm phổi của thú có cấu tạo khác với phổi của chim là

- A.** có bề mặt trao đổi khí rộng.
- B.** có nhiều mao mạch.
- C.** có các ống khí.
- D.** có nhiều phế nang.

Câu 13. Hệ tuần hoàn kép có ở các ngành sau đây, ngoại trừ:

- A.** Lưỡng cư.
- B.** Bò sát.
- C.** Giun đốt.
- D.** Chim.

Câu 14. Khả năng co giãn tự động theo chu kì của tim là do hệ dẫn truyền tim hoạt động:

- A.** nút xoang nhĩ → nút nhĩ thất → bó His → mạng Puôckin → tâm thất co.
- B.** nút xoang nhĩ → bó His → nút nhĩ thất → mạng Puôckin → tâm thất co.
- C.** nút nhĩ thất → nút xoang nhĩ → bó His → mạng Puôckin → tâm thất co.
- D.** nút nhĩ thất → nút xoang nhĩ → mạng Puôckin → bó His → tâm thất co.

Câu 15. Nhóm động vật có tim 4 ngăn, máu không bị pha trộn?

- A.** Bò sát.
- B.** Chim, thú.
- C.** Cá.
- D.** Lưỡng cư.

Câu 16. Trong hệ tuần hoàn hở, máu chảy trong động mạch dưới(1)....., tim thu hồi máu(2).....

Các cụm từ còn thiếu điền vào chỗ trống là:

- A.** (1) áp lực thấp nên tốc độ máu chảy chậm, (2) chậm.
- B.** (1) áp lực cao hoặc trung bình nên tốc độ máu chảy nhanh, (2) nhanh.
- C.** (1) áp lực cao hoặc trung bình nên tốc độ máu chảy chậm, (2) chậm.
- D.** (1) áp lực thấp nên tốc độ máu chảy nhanh, (2) nhanh.

Câu 17. Hai phòng tuyến bảo vệ cơ thể do hệ miễn dịch tạo thành là

- A.**miễn dịch không đặc hiệu và miễn dịch đặc hiệu.
- B.**miễn dịch dịch thể và miễn dịch tế bào.
- C.**hàng rào bề mặt cơ thể và hàng rào bên trong cơ thể.
- D.**hàng rào bảo vệ vật lý, hóa học và các đáp ứng không đặc hiệu.

Câu 18. Tác nhân nào không phải là tác nhân bên ngoài gây ra bệnh cho người và động vật?

- A.** Tác nhân sinh học.
- B.** Tác nhân hóa học.
- C.** Chế độ dinh dưỡng.
- D.** Tác nhân vật lý.

Câu 19. Bệnh gây ra do hệ miễn dịch của cơ thể bị rối loạn, mất khả năng phân biệt các kháng nguyên ngoại lai với tế bào, cơ quan của cơ thể, dẫn đến các tế bào miễn dịch hoặc kháng thể do cơ thể sinh sản ra tấn công là

- A.** bệnh ung thư.
- B.** bệnh tự miễn.
- C.** bệnh AIDS.
- D.** bệnh Covid.

Câu 20. Miễn dịch đặc hiệu còn được gọi là:

- A.** miễn dịch thích ứng.
- B.** miễn dịch tế bào.
- C.** miễn dịch tự nhiên.
- D.** miễn dịch bẩm sinh.

II. Phần trắc nghiệm Đúng- Sai (2 câu- 2 điểm)

Câu 1. Khi nói về hô hấp ở thực vật, mỗi phát biểu sau đây là đúng hay sai ?

Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Cơ quan hô hấp chủ yếu ở thực vật là lá.		
b.	Bản chất hô hấp là quá trình dị hóa, tích lũy năng lượng.		
c.	Vai trò chính của hô hấp là tạo ATP cung cấp cho các hoạt động sống		
d.	Thực vật không có cơ quan hô hấp chuyên trách như động vật.		

Câu 2. Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai khi nói về ưu điểm của hệ tuần hoàn kín so với hệ tuần hoàn hở?

Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Máu đến các cơ quan nhanh nên đáp ứng được nhu cầu trao đổi chất và khí.		

b.	Tim hoạt động ít tiêu tốn năng lượng.		
c.	Máu chảy trong động mạch với áp lực cao hoặc trung bình		
d.	Tốc độ máu chảy nhanh, tim thu hồi máu nhanh		

III. Phần tự luận (3,0 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Nối các sinh vật sau vào phân loại phù hợp với chúng trong bảng dưới đây:

3. Có ống tiêu hóa	e. Cá
	f. Thủy tức
4. Có túi tiêu hóa	g. Ngựa
	h. Rùa

Câu 2 (1 điểm): Tại sao không nên hút thuốc lá? Ảnh hưởng của thuốc lá đến hệ hô hấp và sức khỏe con người như thế nào?

Câu 3 (1 điểm): Phân biệt miễn dịch đặc hiệu và miễn dịch không đặc hiệu.

----- Hết -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.